

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 111/2024/DS-PT
Ngày: 08/5/2024
V/v đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Ngô Thị Minh Trang

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Chơn

Bà Nguyễn Thị Kim Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Vũ Tường Ninh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Chi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2023/DS-ST ngày 24/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo .

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 86/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm: 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH T2 – Chi nhánh A. Địa chỉ: số A T, phường M, Tp ., tỉnh An Giang (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Ngân hàng TMCP V (V1) – Chi nhánh A (vắng mặt).

Địa chỉ: số A T, phường M, Tp ., tỉnh An Giang.

3 Ông Trần Vĩnh P, sinh năm: 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: Khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Nguyễn Văn L trình bày và yêu cầu như sau:

Do quen biết nên ông L có nhờ ông Trần Thanh T đứng tên mua giùm chiếc xe ô tô con nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: VIOS G, biển số: 68A-225.19, Số khung: RL4B23F36N5119852; số máy: 2NRX784032 và có lập hợp đồng mua xe với công ty TNHH T2 – Chi nhánh A vào ngày 14/01/2022. Giữa ông L và ông T có thỏa thuận đến tháng 9/2022 thì ông T sẽ ký giấy sang tên xe qua cho ông L nhưng đến thời điểm đó thì ông T không thực hiện lời hứa và báo với công an thành phố P nói là ông L thuê xe của ông T. Qua làm việc chính quyền khẳng định ông L là chủ xe nên không đủ thẩm quyền để công an xử lý.

Ông L mua xe có đầy đủ bằng chứng, chứng cứ cụ thể và có trả trước cho Công ty TNHH T2 – Chi nhánh A như sau: Ngày 14/01/2022 ông L đặt cọc tiền mua xe là 50.005.500 đồng; ngày 18/01/2022 trả tiền mua xe là 112.594.500 đồng.

Xe mua theo diện trả góp nên ông L có nhờ ông T đứng ra thế chấp giấy tờ xe để vay Ngân hàng TMCP V (V1) – Chi nhánh A hộ giùm ông L số tiền 464.000.000 đồng và ông L là người có trách nhiệm trả tiền theo hợp đồng ký kết với ngân hàng. Khi vay tiền xong thì ông L chuyển số tiền này trả cho công ty T2 chi nhánh A để thanh toán hết số tiền mua xe.

Còn số tiền nợ ngân hàng thì ông L trả góp hàng tháng cụ thể: Ngày 17/02/2022 trả góp 7.607.700 đồng; ngày 23/3/2022 trả góp 8.700.00 đồng; tháng 4/2022 bị bệnh nên không trả góp được; ngày 09/5/2022 trả góp 8.950.000 đồng; ngày 03/6/2022 trả góp 8.850.000 đồng; ngày 23/7/2022 trả góp 8.700.000 đồng; ngày 03/8/2022 trả góp 8.860.000 đồng; ngày 31/8/2022 trả góp 8.800.000 đồng; ngày 28/9/2022 trả góp 8.800.000 đồng. Tổng số tiền trả góp là 69.267.000 đồng.

Đến tháng 9/2022, ông T không chịu sang tên xe như cam kết nên ông L không tiếp tục trả góp nữa. Vì vậy, tổng số tiền đã trả được cho Ngân hàng V1 chi nhánh A và Công ty T2 chi nhánh A là 50.005.500 đồng; + 112.594.500 đồng + 69.267.000 đồng = 241.151.000 đồng.

Vì vậy ông L khởi kiện yêu cầu công nhận xe ô tô nhãn hiệu Vios, biển kiểm soát số 68A – 225.19 là tài sản hợp pháp của ông L, buộc ông T phải sang tên chiếc xe nêu trên cho ông L.

Ông L có yêu cầu khởi kiện bổ sung xin rút lại yêu cầu công nhận quyền sở hữu xe, chỉ yêu cầu ông Trần Thanh T phải trả lại số tiền đã đóng góp mua xe và số tiền bồi thường thiệt hại về kinh tế khi bị mất phương tiện đi lại trong thời gian từ tháng 9/2022 đến nay, tổng số tiền yêu cầu là 300.000.000 đồng. Đến ngày 16/7/2023 ông L có đơn bổ sung yêu cầu ông T phải trả cho ông L tổng số tiền đã đóng góp mua xe và mức bồi thường thiệt hại là 450.000.000 đồng.

- Ông Trần Thanh T trình bày:

Trước đây ông có thỏa thuận cho ông Nguyễn Văn L thuê xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: VIOS G, biển số: 68A-225.19 do ông T đứng tên, thuê mỗi tháng 10.000.000 đồng. Tiền mua xe này là do ông T đứng ra vay Ngân hàng V1 chi nhánh A số tiền 464.000.000 đồng và trả góp cho ngân hàng mỗi tháng là 8.700.000 đồng. Sau đó ông L trả tiền thuê xe được khoảng 03 tháng thì mang xe bỏ đi khỏi địa phương nên ông có làm đơn tố giác ông L đến Cơ quan Công an huyện K về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Sau đó đến khoảng tháng 9/2022, ông T phát hiện ông L đang sử dụng xe ô tô của mình tại thành phố P, tỉnh Kiên Giang nên báo với Công an thành phố P. Để tránh va chạm giữa đôi bên công an P yêu cầu ông T và ông L cùng làm bản thỏa thuận gửi xe tại Công an xã D, thành phố P, sau khi làm tờ thỏa thuận xong thì các bên gửi xe cho công an giữ. Sau đó công an P mới giao lại chiếc xe ô tô trên cho công an huyện K xử lý.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng tiền đặc cọc xe và số tiền mua xe trả trước là 112.594.500 đồng cho Công ty T2 chi nhánh A và số tiền ông L trả góp hàng tháng cho ngân hàng từ tháng 2/2022 đến tháng 9/2022 thì ông L phải tự chịu vì thời gian này ông L là người quản lý, sử dụng xe và do ông L vi phạm cam kết không tắt toán hết nợ cho ngân hàng để ông T lấy giấy tờ xe ra làm thủ tục sang tên qua cho ông L. Sau đó do ông L không góp nữa nên ông T phải đứng ra góp cho ngân hàng 03 tháng từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022.

Do nợ quá hạn nên ngân hàng yêu cầu ông T phải giao xe để tắt toán nợ nhưng nếu ông giao xe thì ngân hàng vẫn tính tiền lãi quá hạn của ông hàng tháng và xe thì phải chờ bán hoá giá nếu bán được thì số tiền này mới được trừ vào số tiền vay nợ ngân hàng. Nên ông T có bán chiếc xe này cho ông Trần Vĩnh P với số tiền thực tế là 442.000.000 đồng tắt toán toàn bộ số nợ với ngân hàng để lấy giấy tờ xe ra và làm hợp đồng bán lại cho ông P. Nhưng hiện tại hợp đồng chưa thực hiện được do chiếc xe này còn chờ Toà án giải quyết tranh chấp.

Đối với yêu cầu của ông L thì ông T không đồng ý vì không có nợ ông L tiền. Đối với chiếc xe thì ông vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng với ông P, ông T đồng ý chuyển tên quyền sử dụng cho ông P theo quy định của pháp luật.

- Ông Trần Vĩnh P trình bày:

Ông có mua xe ô tô của ông Trần Thanh T, cụ thể: Vào ngày 06/6/2023, ông P có cùng với ông Trần Thanh T đến ngân hàng V (V1), chi nhánh R, để ông chuyển số tiền 442.000.000 đồng tất toán số nợ cả gốc và lãi của ông Trần Thanh T đang nợ ngân hàng và có thể chấp giấy tờ xe ô tô con biển số: 68A-225.19, nhãn hiệu: TOYOTA; số loại: VIOS G; Số khung: RL4B23F36N5119852; số máy: 2NRX784032 đứng tên chủ sở hữu ông Trần Thanh T để ông T lấy giấy tờ xe ra và làm thủ tục chuyển nhượng sang tên lại cho ông P.

Đến ngày 08/6/2023, ông P với ông T có ký hợp đồng mua bán xe ô tô nêu trên và được công chứng trong cùng ngày, tuy nhiên trong hợp đồng mua bán chỉ ghi số tiền là 100.000.000 đồng, thực tế số tiền thỏa thuận là 442.000.000 đồng. Cùng ngày thì ông T có nộp hồ sơ đến cơ quan Công an giao thông huyện K để làm thủ tục sang tên xe, sau đó thì ông được thông báo là chiếc xe nêu trên hiện đang là tài sản tranh chấp giữa ông Trần Thanh T với ông Nguyễn Văn L nên chưa thể làm thủ tục sang tên theo quy định. Hiện tại chiếc xe này ông P đang là người quản lý, sử dụng.

Khi thỏa thuận mua xe thì ông P hoàn toàn không biết tài sản này là đối tượng tranh chấp giữa ông L với ông T nên mới mua để làm phương tiện đi lại và làm tài sản tích lũy. Ông P cũng mong muốn tiếp tục được sở hữu xe và làm thủ tục sang tên theo quy định.

- Ngân hàng TMCP V (V1) – Chi nhánh A trình bày:

Ông Trần Thanh T có vay vốn của ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số LN2201185109563 ngày 28/01/2022. Ngân hàng xác nhận hiện tại ông Trần Thanh T đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số LN2201185109563 ngày 28/01/2022 cho ngân hàng.

Tại thông báo về việc giải chấp xe ô tô ngày 08/6/2023 thể hiện ngày 28/01/2022 ngân hàng V1 chi nhánh A đã nhận thế chấp 01 xe ô tô thuộc quyền sở hữu của ông Trần Thanh T dùng để đảm bảo nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp số LN2201185109563 ngày 28/01/2022 ký giữa ông Trần Thanh T1 với ngân hàng. Nay khách hàng đã trả hết nợ và có nhu cầu giải chấp 01 chiếc ô tô thế chấp chi tiết như sau: loại xe ô tô, biển số 68A-225.19, nhãn hiệu: TOYOTA; số loại: VIOS G;

Số khung: RL4B23F36N5119852; số máy: 2NRX784032, nay ngân hàng đề nghị phòng C công an tỉnh K giải tỏa việc ngăn chặn mua bán, sang nhượng, cho tặng hoặc có mất giấy tờ đăng ký đối với chiếc xe trên.

- Công ty TNHH T2 – Chi nhánh A trình bày:

Ngày 14/01/2022, ông Trần Thanh T và công ty có ký kết hợp đồng mua bán xe ô tô biển số 68A-225.19, nhãn hiệu: TOYOTA; số loại: VIOS G; Số khung: RL4B23F36N5119852; số máy: 2NRX784032 theo hợp đồng số A130210-1/HĐMB-TAG/2022 và giá trị hợp đồng là 581.000.000 đồng.

Ngày 14/01/2022, ông Nguyễn Văn L có chuyển khoản tiền cọc xe vào tài khoản công ty với số tiền 50.000.000 đồng.

Ngày 18/01/2022, ông Nguyễn Văn L có chuyển khoản tiền xe vào tài khoản công ty với số tiền 112.589.000 đồng. Trong cùng ngày công ty xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0003436 cho ông Trần Thanh T với tổng số tiền 581.000.000 đồng

Ngày 28/01/2022, ngân hàng V1 chi nhánh A giải ngân cho ông Trần Thanh T vào tài khoản công ty số tiền 464.000.000 đồng. Tổng số tiền công ty đã thu là 626.589.000 đồng, trong đó bao gồm: tiền xe: 581.000.000 đồng; tiền đóng thuế/đăng ký đăng kiểm: 32.320.000 đồng; bảo hiểm xe: 9.769.000 đồng; phí dịch vụ: 3.500.000 đồng.

Hiện tại hợp đồng mua bán xe giữa ông T với công ty đã hoàn tất các thủ tục, chi phí liên quan. Về việc ông Nguyễn Văn L khởi kiện ông Trần Thanh T công ty không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2023/DS-ST ngày 24/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn L về việc công nhận quyền sở hữu xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: VIOS G, biển số: 68A-225.19, Số khung: RL4B23F36N5119852; số máy: 2NRX784032, do ông Trần Thanh T đứng tên sở hữu xe.

2. Buộc ông Trần Thanh T phải trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền là 223.167.700 đồng.

3. Không chấp nhận đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn L về việc buộc ông Trần Thanh T phải trả số tiền 76.832.300 đồng.

4. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2023/QĐ-BPKCTT, ngày 22/6/2023 về việc cấm chuyển dịch tài sản đối với tài sản đang tranh chấp là xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: VIOS G, biển số:

68A-225.19, Số khung: RL4B23F36N5119852; số máy: 2NRX784032, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 02/2023/QĐ-BPBD ngày 21/6/2023 cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật. Sau khi án có hiệu lực ông L liên hệ với Ngân hàng TMCP N (V2) - Phòng G để nhận lại số tiền 20.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09 tháng 11 năm 2023 bị đơn Trần Thanh T có đơn kháng cáo và ngày 07/4/2024 có đơn kháng cáo bổ sung với nội dung: yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, buộc ông L phải trả số tiền 240.000.000 đồng, trừ số tiền 223.167.700 đồng thì ông L phải trả cho ông T 16.832.300 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Trần Thanh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và kháng cáo bổ sung: yêu cầu ông L phải trả tiền thuê xe là 120.000.000 đồng, tiền khấu hao xe là 120.000.000 đồng. Tổng cộng ông L phải trả cho ông T 240.000.000 đồng, khấu trừ số tiền ông T phải trả cho ông L 223.167.700 đồng thì ông L còn phải trả cho ông T 16.832.300 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Vĩnh P yêu cầu được làm thủ tục sang tên giấy tờ sở hữu xe ô tô đã mua của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thanh T, Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục tổng đạt bản án cho các đương sự đúng quy định. Bị đơn ông Trần Thanh T kháng cáo bản án quá hạn nhưng đã được chấp nhận kháng cáo quá hạn theo Quyết định chấp nhận kháng cáo quá hạn số 04/2024/QĐ-PT ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH T2 - Chi nhánh A có đơn xin vắng mặt, Ngân hàng TMCP V (V1) - Chi nhánh A vắng mặt nhưng xét thấy việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền là chưa chính xác. Theo đơn khởi kiện ban đầu của ông L thì ông L yêu cầu công nhận quyền sở hữu xe ô tô cho ông L và yêu cầu bồi thường thiệt hại nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp quyền sở hữu tài sản. Sau đó ông L thay đổi yêu cầu khởi kiện đòi lại tiền mua xe đã trả trước nên quan hệ pháp tranh chấp phải xác định là đòi tài sản.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn Trần Thanh T:

[2.1]. Ông T kháng cáo yêu cầu ông L phải trả tiền thuê xe là 120.000.000 đồng, tiền khấu hao xe 120.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên toà, ông T và ông L xác nhận việc ông T và ông L thoả thuận miệng để ông T đứng tên mua xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: VIOS G, biển số: 68A-225.19, Số khung: RL4B23F36N5119852; số máy: 2NRX784032 của công ty T2 – Chi nhánh A. Quá trình thực hiện hợp đồng giữa ông T với công ty thì ông T là người đứng tên hợp đồng vay ngân hàng TMCP V – Chi nhánh A số tiền 464.000.000 đồng theo phương thức trả góp hàng tháng và thế chấp giấy tờ xe cho ngân hàng. Ông L là người trả tiền cọc mua xe và trả góp tiền vay ngân hàng. Cụ thể ông L có đứng ra trả tiền cọc xe cho công ty là 50.000.000 đồng, có trả trước tiền mua xe 112.594.500 đồng, ông L trả góp tiền xe hàng tháng trong thời gian 07 tháng từ tháng 02/2022 đến tháng 9/2022 cho ngân hàng là 60.567.700 đồng. Tổng cộng ông L đã thanh toán tiền mua xe là 223.167.700 đồng. Sau khi nhận xe thì ông L là người sử dụng xe, ông T không sử dụng. Khi ông L không trả tiền góp hàng tháng cho ngân hàng Đ và ngân hàng yêu cầu trách nhiệm của ông T nên các bên xảy ra tranh chấp. Để có tiền thanh toán nợ cho ngân hàng PV C1, ông T đã lấy xe lại từ ông L và đã làm hợp đồng bán cho ông P với số tiền 464.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy thoả thuận về việc đứng tên mua xe và trách nhiệm thanh toán tiền mua xe giữa ông L và ông T là sự tự nguyện. Nhưng trong quá trình thực hiện thoả thuận, ông T cho rằng ông L không thực hiện đúng cam kết trả nợ ngân hàng đúng hạn làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông T nên ông T không thực hiện chuyển tên xe lại cho ông L mà đã bán xe cho ông P thu hồi tiền trả ngân hàng dẫn đến thiệt hại cho ông L nên ông L yêu cầu ông T trả lại số tiền đã thanh toán 223.167.700 đồng là có căn cứ.

[2.2]. Ông T kháng cáo cho rằng cho ông L thuê xe và yêu cầu ông L trả tiền thuê xe 120.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận bởi lẽ tại phiên toà ông T đã thừa nhận việc đứng tên mua xe và vay ngân hàng giúp ông L, ông T không có chứng cứ chứng minh việc cho ông L thuê xe. Mặt khác khi Toà án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án ông T không có yêu cầu phản tố đối với số tiền này.

Đối với kháng cáo của ông T tính tiền khấu hao xe 120.000.000 đồng do ông L sử dụng xe từ khi mua đến khi gửi xe tại cơ quan công an là 07 tháng để đối trừ với số tiền mà ông T phải trả cho ông L. Hội đồng xét xử xét thấy do trong quá trình Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án ông T không yêu cầu phản tố và bản án sơ thẩm không xem xét nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét kháng cáo này của ông T. Ông T có quyền khởi kiện thành vụ án khác nếu có căn cứ.

Bản án sơ thẩm đã thu thập, đánh giá chứng cứ đầy đủ. Tại phiên toà phúc thẩm ông T không cung cấp được chứng mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, ông L không đồng ý với yêu cầu của ông T nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

[2.3]. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Buộc ông T phải chịu số tiền án phí là 11.158.385 đồng.
- Buộc ông L phải chịu số tiền án phí là 3.841.615 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp là 7.500.000 đồng theo lai thu số 0007039 ngày 22/6/2023 và 300.000 đồng theo lai thu số 0009234 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, nên số tiền còn thừa ông L được nhận lại là 3.958.385 đồng.

- Án phí phúc thẩm: ông Trần Thanh T phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đồng. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001832 ngày 31/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Thanh T.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 123/2023/DS-ST ngày 24/10/2023 của Toà án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
- Các Điều 112, 138, 274, 280, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;
- Các Điều 26, 35, 39, 144, 145, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn L về việc công nhận quyền sở hữu xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: VIOS G, biển số: 68A-225.19, Số khung: RL4B23F36N5119852; số máy: 2NRX784032, do ông Trần Thanh T đứng tên sở hữu xe.

2. Buộc ông Trần Thanh T phải trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền là 223.167.700 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm đồng).

3. Không chấp nhận đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn L về việc buộc ông Trần Thanh T phải trả số tiền 76.832.300 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí :

- Án phí sơ thẩm: Buộc ông T phải chịu số tiền án phí là 11.158.385 đồng (mười một triệu một trăm năm mươi tám nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng).

- Buộc ông L phải chịu số tiền án phí là 3.841.615 đồng (ba triệu tám trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm mười lăm đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp là 7.500.000 đồng theo lai thu số 0007039 ngày 22/6/2023 và 300.000 đồng theo lai thu số 0009234 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, nên số tiền còn thừa ông L được nhận lại là 3.958.385 đồng (ba triệu chín trăm năm mươi tám nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng).

- Án phí phúc thẩm: ông Trần Thanh T phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001832 ngày 31/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

5. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2023/QĐ-BPKCTT, ngày 22/6/2023 về việc cấm chuyển dịch tài sản đối với tài sản đang tranh chấp là xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: VIOS G, biển số: 68A-225.19, Số khung: RL4B23F36N5119852; số máy: 2NRX784032, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Văn L được nhận lại số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 02/2023/QĐ-BPBD ngày 21/6/2023 của Toà án nhân dân huyện Kiên Lương tại Ngân hàng TMCP N (V2) - Phòng G.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Kiên Lương, Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Kiên Lương;
- Ngân hàng Vietcombank - Phòng giao dịch Kiên Lương
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Ngô Thị Minh Trang